

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan, các đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, 01 công ty liên kết. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,5%	57,5%	57,5%	57,5%

5b. Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ quyền biểu quyết
			Tỷ lệ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ
Công ty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực ⁽¹⁾	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	36,00%	36,00%	36,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Ngày 04 tháng 6 năm 2018 Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực đã chuyển đổi hình thức sở hữu, qua đó Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng không còn quyền kiểm soát và khoản đầu tư này được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào Công ty liên kết” trên Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh có trụ sở chính tại thửa đất số 7,8,9,12, tờ bản đồ số 66, Khu kinh tế Cửa khẩu Mộc Bài, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là: sửa chữa bảo dưỡng phương tiện vận tải; vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy; bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực vào công ty liên kết theo số vốn thực góp là 50%, theo đó, tỷ lệ lợi ích của Công ty và Công ty con tại công ty liên kết là 18%.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty và các công ty con có 630 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 654 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty và các công ty con áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và các công ty con khác thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và các công ty con và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty và các công ty con trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty và các công ty con có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và các công ty con thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Công ty và các công ty con khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và các công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Công ty và các công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền/ và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty và các công ty con chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 05
Tài sản cố định khác	3 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty và các công ty con là chương trình phần mềm máy tính:

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty và các công ty con đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty và các công ty con) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Công ty và các công ty con phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Công ty và các công ty con không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty và các công ty con ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty và các công ty con hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty và các công ty con phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty và các công ty con.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty và các công ty con đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty và các công ty con đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu chiết khấu thương mại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

21. Các khoản chi phí

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	83.356.282	1.573.973.627
Tiền gửi ngân hàng	11.355.006.871	12.001.351.879
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	124.000.000.000	140.000.000.000
Cộng	<u>135.438.363.153</u>	<u>153.575.325.506</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty và các công ty con chỉ có đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh. Thông tin về khoản đầu tư vào Công ty liên kết như sau:

	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực ⁽ⁱ⁾	1.754.966.110			
Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh ⁽ⁱⁱ⁾			1.967.784.379	
Cộng	<u>1.754.966.110</u>		<u>1.967.784.379</u>	

(i) Tại ngày 04 tháng 6 năm 2018 Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực đã chuyển đổi hình thức sở hữu, qua đó Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng không còn quyền kiểm soát và khoản đầu tư này được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào Công ty liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901222613 ngày 22 tháng 04 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực đầu tư vào Công ty TNHH Tân Cảng – Tây Ninh 7.200.000.000 VND, tương đương 24% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực đã đầu tư 2.000.000.000 VND, chiếm 50%

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

trong số vốn điều lệ thực góp của Công ty TNHH Tân Cảng – Tây Ninh. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Tân Cảng – Tây Ninh là 5.200.000.000 VND.

Giao dịch với công ty liên kết

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh		
Góp vốn vào Công ty liên kết		1.000.000.000
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	141.150.000	75.790.909
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết		849.008.050
Công ty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	417.519.233	
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	192.525.480	

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	1.080.000.000	2.000.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	674.966.110	(32.215.621)
Số cuối kỳ	<u>1.754.966.110</u>	<u>1.967.784.379</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	<u>53.536.570.376</u>	<u>51.762.211.811</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	50.716.183.043	49.765.701.279
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	217.506.250	79.250.900
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	4.224.000	
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	25.659.000	
Công ty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực	369.967.656	
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.506.386.745	1.283.906.150
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	10.570.500	32.940.300
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	32.365.000	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung		55.000.000
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Sóng Thần	605.000	
Công ty Cổ phần Container Lạnh Tân Cảng	497.838.182	514.338.182
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Tây Ninh	155.265.000	31.075.000
Phải thu các khách hàng khác	<u>71.827.336.511</u>	<u>61.636.376.381</u>
Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn	14.145.589.288	11.360.702.392
Các khách hàng khác	57.681.747.223	50.275.673.989
Cộng	<u>125.363.906.887</u>	<u>113.398.588.192</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	1.133.605.991	657.299.191
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	657.299.191	657.299.191
Công ty Cổ phần Giải pháp CNTT Tân Cảng	476.306.800	
Trả trước cho các người bán khác	1.419.677.740	3.751.877.208
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường Cao tốc Việt Nam	783.060.003	
Công ty TNHH Thương mại Phước An	396.475.200	
Công ty TNHH Hệ thống Thiết bị UMW		1.410.200.000
Công ty TNHH Hiệp Lực		1.242.556.325
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Vận tải An Gia		800.000.000
Các nhà cung cấp khác	240.142.537	299.120.883
Cộng	2.553.283.731	4.409.176.399

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	988.560.616		467.482.299	
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	242.102.600		408.525.600	
Các khoản chi hộ				
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	683.963.317			
- Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình			3.430.000	
- Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần			2.063.000	
- Công ty TNHH Tân Cảng – Tây Ninh	8.945.000		7.790.000	
- Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	53.549.699		41.388.699	
- Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng			2.650.000	
- Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Miền Trung			1.635.000	
Phải thu các tổ chức và cá nhân			9.273.990.590	
Phải thu BHXH, BHYT	1.401.100			
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn			591.766.667	
Ký cược, ký quỹ	482.982.000		710.482.000	
Tạm ứng	6.337.553.524		4.604.300.443	
Các khoản chi hộ	4.701.430.750		3.366.665.607	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác			775.873	
Cộng	12.511.927.990		9.741.472.889	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	873.697.000		699.600.000	

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Asian Groupage Servicers Việt Nam - Tiền cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	129.156.004		Trên 3 năm	129.156.004	
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Cảng Logistics - Tiền cung cấp dịch vụ					116.032.000	
Cộng		129.156.004			245.188.004	

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường				
Nguyên liệu, vật liệu	2.338.366.177		3.264.080.868	
Cộng	2.338.366.177		3.264.080.868	

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	2.351.388.666	1.306.545.754
Chi phí sửa chữa tài sản	503.538.736	1.125.564.735
Chi phí bảo hiểm		318.020.165
Chi phí vé cầu đường		30.774.725
Chi phí đồng phục		34.650.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.793.972.851	2.721.625.146
Cộng	6.648.900.253	5.537.180.525

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	3.285.347.680	3.354.577.054
Chi phí sửa chữa nhà cửa, kho bãi	616.834.472	5.306.994.688
Chi phí thuê bãi		516.454.562
Các chi phí trả trước dài hạn khác	471.792.042	596.973.268
Cộng	4.373.974.194	9.774.999.572

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình		Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
Nguyên giá		141.379.997.649	256.541.288.350	211.246.984.777	4.980.826.199	46.854.558.280	661.003.655.255						
Số đầu năm		1.186.626.839				626.239.678	1.812.866.517						
Đầu tư XD/CB hoàn thành						220.368.478	10.968.611.388						
Mua trong kỳ			142.936.000	10.539.161.455	66.145.455		(685.727.273)						
Thanh lý, nhượng bán			(198.500.000)	(2.801.663.636)	(110.400.000)	(869.742.239)	(3.980.305.875)						
Giảm do khur hợp nhất													
Số cuối kỳ		142.566.624.488	256.485.724.350	218.298.755.323	4.936.571.654	46.831.424.197	669.119.100.012						
<i>Trong đó:</i>													
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			57.136.342.591	7.054.851.727	4.182.753.268	1.492.297.704	69.866.245.290						
Chờ thanh lý													
Giá trị hao mòn													
Số đầu năm		44.576.350.571	123.630.935.827	101.496.743.851	4.643.864.058	18.850.109.695	293.198.004.002						
Khấu hao trong kỳ		7.883.534.186	10.210.113.371	28.509.754.967	218.081.296	6.555.980.142	53.377.463.962						
Thanh lý, nhượng bán				(537.153.036)									
Giảm do hợp nhất			(26.613.403)	(770.225.244)	(31.280.000)	(366.312.254)	(1.194.430.901)						
Số cuối kỳ		52.459.884.757	133.814.435.795	128.699.120.538	4.830.665.354	25.039.777.583	344.843.884.027						
Giá trị còn lại													
Số đầu năm		96.803.647.078	132.910.352.523	109.750.240.926	336.962.141	28.004.448.585	367.805.651.253						
Số cuối kỳ		90.106.739.731	122.671.288.555	89.599.634.785	105.906.300	21.791.646.614	324.275.215.985						
<i>Trong đó:</i>													
Tạm thời chưa sử dụng, chờ thanh lý													

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 266.225.513.320 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	3.768.631.800	(1.381.895.699)	2.386.736.101
Khấu hao trong kỳ	492.000.000		492.000.000
Giảm do hợp nhất		(627.793.095)	(627.793.095)
Số cuối kỳ	4.190.631.800	(1.965.044.337)	2.225.587.463

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 242.395.000 VND.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định				
Xây dựng cơ bản dở dang	3.653.566.801			3.653.566.801
Công trình nhà kho 2 tầng tại Cảng Cát Lái	2.398.465.181			2.398.465.181
Mở rộng văn phòng kho 5 Cát Lái	32.537.120		32.537.120	
Phần mềm kho ngoại quan	1.222.564.500			1.222.564.500
Cộng	3.653.566.801		32.537.120	3.621.029.681

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	851.995.609	1.218.163.804
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	947.748.509	(547.982.551)
Phát sinh trong kỳ	1.799.744.118	670.181.253
Hoàn nhập trong kỳ	(851.995.609)	(1.218.163.804)
Số cuối kỳ	1.799.744.118	670.181.253

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%)

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phát sinh nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	35.797.764.749	33.764.442.490
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	24.772.628.301	24.524.991.245
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	933.425.350	548.117.005
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	6.296.457	1.004.351.590
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	1.619.192.280	2.471.895.027
Công ty Cổ phần GPCNTT Tân Cảng	1.613.004.050	380.125.900
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng – STC		76.554.400
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	124.852.761	58.116.663
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	389.462.820	1.076.396.610
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Hiệp Lực	82.012.920	
Công ty Cổ phần ĐLGN VT Xếp dỡ Tân Cảng	898.508.400	477.829.900
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	349.368.250	199.686.300
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	105.903.600	75.000.200
Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh		119.188.520
Công ty CP Tiếp vận Tân Cảng – Hiệp Phước	138.460.300	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng – Vũng Tàu	723.320.000	
Công ty CP Tiếp vận Tân Cảng – Bình Dương	774.497.000	
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	3.266.832.260	2.752.189.130
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	21.618.137.431	33.243.214.102
Cộng	57.415.902.180	67.007.656.592

Công ty và các công ty con không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.246.652.156		24.491.651.499	(16.424.867.143)	4.427.195.526	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.613.462.575		12.055.703.918	(8.219.166.615)	6.155.703.918	
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ cho bên liên doanh	692.008.203		634.646.928	(692.008.203)	634.646.928	
Thuế thu nhập cá nhân	780.648.597		2.497.631.394	(3.113.126.610)	114.090.161	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		12.657.641	6.000.000	(6.000.000)		12.657.641
Cộng	8.332.771.531	12.657.641	39.685.633.739	(36.107.952.808)	11.331.636.533	12.657.641

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty và các công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty và các công ty con phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty và các công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty và các công ty con kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	5.444.396.130	474.936.021
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	4.844.010.606	
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	200.517.341	474.936.021
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng – Bình Dương	325.208.183	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng – Vũng Tàu	74.660.000	
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.338.294.760	4.194.918.283
Chi phí lãi vay phải trả	553.428.108	82.855.841
Chi phí lãi vay chia cho bên liên doanh		73.535.774
Chi phí cước vận chuyển quốc tế	6.941.290	76.590.765
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	1.984.861.302	368.228.000
Chi phí thuê kho, bãi	565.854.000	16.667.000
Chi phí cho người lao động	356.112.754	3.102.560.000
Chi phí hoa hồng		112.752.273
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	871.097.307	361.728.630
Cộng	9.782.690.890	4.669.854.304

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	5.188.356.917	3.088.689.208
Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – tiền ăn ca	61.080.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Lãi hợp tác kinh doanh	5.127.276.917	3.088.689.208
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	6.869.784.500	6.514.431.646
Kinh phí công đoàn	746.048.322	780.747.407
Bảo hiểm xã hội	1.197.139.479	1.158.124.639
Bảo hiểm y tế	75.279.554	61.352.415
Bảo hiểm thất nghiệp	11.919.000	4.379.042
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	382.406.640	503.000.000
Tiền hoa hồng môi giới	41.251.266	161.053.761
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.815.460.350	1.377.225.650
Các khoản phải trả người lao động	51.060.820	113.841.344
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.549.219.069	2.354.707.388
Cộng	12.058.141.417	9.603.120.854

16b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	8.621.612.981	8.621.612.981
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - vốn góp hợp tác kinh doanh (*)	8.621.612.981	8.621.612.981
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	22.330.000	22.330.000
Nhận ký quỹ, ký cược	22.330.000	22.330.000
Cộng	8.643.942.981	8.643.942.981

(*) Là khoản hợp tác đầu tư phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh về việc hợp tác mua Cầu khung thép cho thuê ngày 09 tháng 6 năm 2015. Thời hạn hợp tác kinh doanh là 11 năm kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty và các công ty con không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

17a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	35.206.959.037	50.270.539.304
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú	33.536.559.037	48.600.139.304
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	1.670.400.000	1.670.400.000
Cộng	35.206.959.037	50.270.539.304

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty và các công ty con có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú ⁽ⁱ⁾	130.140.947.362	163.233.516.535
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á ⁽ⁱⁱ⁾	1.531.200.000	2.366.400.000
Cộng	131.672.147.362	165.599.916.535

Công ty và các công ty con có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú bao gồm:

Các khoản vay dài hạn tại Công ty mẹ theo các hợp đồng vay trong năm 2014, 2015, 2016, 2017 để xây dựng tòa nhà văn phòng, xây dựng kho CFS tại Cảng Cát Lái, mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 5 năm đến 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất thả nổi, biến động trong năm từ 7,9%/năm đến 9,2%/năm. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ khoản vay và Quyền khai thác lô đất theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19 tháng 10 năm 2010 và phụ lục số 04-1989/PLHĐ ngày 15 tháng 3 năm 2014 - Thuê đất xây dựng kho ký giữa Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn đến năm 2025, quyền khai thác dự án kho CFS hình thành từ vốn vay và vốn tự có và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.

Các khoản vay dài hạn tại Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái theo các hợp đồng vay trong năm 2013, 2014, 2015 để mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 54 tháng đến 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất thả nổi, biến động trong năm từ 8%/năm đến 9,2%/năm. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ vốn vay.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 127915/HĐTD-TDHD/DN ngày 27 tháng 5 năm 2015 để đầu tư mua sắm tài sản cố định. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là 06 xe ô tô đầu kéo hiệu Daewoo V3TEF, tổng giá trị tài sản thế chấp là 10.440.000.000 VND.

Công ty và các công ty con có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	35.206.959.037	50.270.539.304
Trên 1 năm đến 5 năm	109.575.101.630	130.012.426.007
Trên 5 năm	22.097.045.732	35.587.490.528
Cộng	166.879.106.399	215.870.455.839

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	165.599.916.535	195.075.612.005
Số tiền vay phát sinh	5.640.800.000	18.378.047.000
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(39.301.278.173)	(27.341.961.156)
Số cuối kỳ	131.672.147.362	186.111.697.849

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty và các công ty con không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Giảm do hợp nhất	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	3.915.619.537	2.341.794.881	118.000.000	(3.378.500.000)	(139.064.739)	2.857.849.679
Quỹ phúc lợi	5.516.556.033	4.402.679.037	424.500.000	(6.001.800.600)	(65.084.739)	4.276.849.731
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	479.166.667	200.000.000		(479.166.667)		200.000.000
Cộng	9.911.342.237	6.944.473.918	542.500.000	(9.859.467.267)	(204.149.478)	7.334.699.410

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	149.982.580.000	34.823.275.467	90.502.990.723	24.430.532.324	299.739.378.514
Lợi nhuận trong kỳ trước			46.934.985.288	2.453.703.442	49.388.688.730
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ từ lợi nhuận kỳ trước		4.692.737.392	(12.049.754.842)		(7.357.017.450)
Trích lập các quỹ tại Công ty con từ lợi nhuận kỳ trước		312.005.405	(995.042.022)	(276.467.003)	(959.503.620)
Chia cổ tức			(24.696.864.400)	(5.152.000.000)	(29.848.864.400)
Thù lao HĐQT, BKS tại Công ty con			(50.400.000)	(89.600.000)	(140.000.000)
Tăng khác			13.161.873		13.161.873
Số dư cuối kỳ trước	149.982.580.000	39.828.018.264	99.659.076.620	21.366.168.763	310.835.843.647
Số dư đầu năm nay	149.982.580.000	40.983.145.549	106.321.027.444	24.879.616.786	322.166.369.779
Lợi nhuận trong kỳ này			41.707.860.221	2.422.770.052	44.130.630.273
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ		4.121.768.313	(10.304.420.783)	(2.040.000.000)	(6.182.652.470)
Chia cổ tức, lợi nhuận			(26.996.864.400)	(2.040.000.000)	(29.036.864.400)
Trích lập các quỹ tại Công ty con		323.047.333	(761.094.665)	(323.774.115)	(761.821.447)
Giảm do Công ty con chuyển thành công ty liên kết		(97.263.787)	(282.542.752)	(3.098.939.648)	(3.478.746.187)
Số dư cuối kỳ này	149.982.580.000	45.330.697.408	109.683.965.065	21.839.673.075	326.836.915.548

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	88.500.000.000	88.500.000.000
Các cổ đông khác	61.482.580.000	61.482.580.000
Cộng	149.982.580.000	149.982.580.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	88.500.000.000	59,01%	88.500.000.000	
Các cổ đông khác	61.482.580.000	40,99%	61.482.580.000	
Cộng	149.982.580.000	100,00%	149.982.580.000	

19c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	14.998.258	14.998.258
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	14.998.258	14.998.258
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.998.258	14.998.258

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 như sau:

	VND
Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 26.996.864.400
• Trích quỹ thưởng ban điều hành Công ty mẹ	: 279.166.667
• Trích quỹ thưởng ban điều hành Công ty con	: 255.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018	
• Trích quỹ đầu tư phát triển (10%)	: 5.254.558.840
• Trích quỹ khen thưởng (5%)	: 2.627.279.419
• Trích quỹ phúc lợi (10%)	: 4.973.648.116
• Trích quỹ thưởng ban điều hành	: 200.000.000

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	37.390,97	11.146,62

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	486.661.411.906	493.808.588.324
Cộng	486.661.411.906	493.808.588.324

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty và các công ty con còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	188.665.534.198	161.351.321.360
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	3.464.959.546	14.545.316.530
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	118.577.272	92.927.273
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	10.840.000	7.000.000
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	394.393.910	75.518.045
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép		7.272.727
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái		44.850.000
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần	550.000	23.369.455
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	115.187.319	18.634.318
Công ty TNHH Tân Cảng Tây Ninh	141.150.000	75.790.909
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	59.464.546	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	72.427.273	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai		102.950.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Long Bình	1.100.000	167.900.000
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng Cái Mép		5.400.000
Cty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái		707.775.000

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ	391.261.739.979	390.667.714.978
Cộng	391.261.739.979	390.667.714.978

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.942.114.788	3.819.661.894
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.469.871	52.680.263
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	9.661.734	
Cộng	3.958.246.393	3.872.342.157

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	10.563.200.309	13.079.590.255
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.591.321	37.535.173
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	980	140.040
Cộng	10.570.792.610	13.117.265.468

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	963.143.960	1.274.240.166
Các chi phí khác	2.903.066.295	2.716.413.592
Cộng	3.866.210.255	3.990.653.758

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.324.484.435	11.196.431.577
Chi phí vật liệu quản lý	609.460.163	763.192.317
Chi phí đồ dùng văn phòng	549.373.350	539.177.344
Chi phí khấu hao tài sản cố định	940.091.959	913.460.632
Thuế, phí và lệ phí	36.967.007	170.682.390
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi		116.032.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.200.617.354	5.599.800.596
Các chi phí khác	8.246.408.503	8.561.542.162
Cộng	28.907.402.771	27.860.319.018

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền phạt nhiên liệu đội cơ giới	474.557.942	523.698.923
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		131.277.408
Thu nhập khác	147.176.681	11.940.029

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.563.590.269	39.270.918.130
Chi phí nhân công	102.666.888.083	108.021.953.244
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.900.606.483	48.696.531.063
Chi phí dịch vụ mua ngoài	210.698.459.384	195.913.133.497
Chi phí khác	23.205.808.786	30.616.151.820
Cộng	424.035.353.005	422.518.687.754

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty và các công ty con bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty và các công ty con không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty và các công ty con không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.410.994.714	1.456.668.979
Tiền thưởng	236.691.254	253.631.787
Cộng	1.647.686.068	1.710.300.766

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty và các công ty con gồm:

Bên liên quan khác

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Công ty liên kết
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng
Công ty TNHH Tân Cảng Tây Ninh
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng

Mối quan hệ

Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty và các công ty con còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Năm trước

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	16.742.857.555	10.533.065.267
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ	11.250.000.000	11.250.000.000
Công ty mẹ cho thuê Cơ sở Hạ tầng	740.100.000	1.332.000.000
Công ty mẹ cho thuê phương tiện vận tải	1.892.054.933	1.631.044.294
Công ty mẹ cung cấp điện, nước	15.930.000.000	15.930.000.000
Chia cổ tức cho Công ty mẹ		
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của các bên liên quan khác như sau:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	6.343.396.622	9.974.203.890
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	2.672.853.679	2.866.241.260
Công ty Cổ phần Giải pháp CNTT Tân Cảng	3.148.764.400	4.110.510.200
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	2.500.000	79.287.700
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	258.438.510	296.242.650
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	4.213.395.537	4.712.699.721
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	2.722.002.700	3.082.803.104
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	2.603.278.184	1.738.979.350

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Phát Triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC		189.996.137
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	797.262.773	596.365.500
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cái Mép		472.800.000
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	26.240.783.054	18.344.419.388
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành		4.900.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Long Bình		13.400.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	1.709.865.454	420.850.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Đồng Nai		10.800.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương	18.772.730	5.000.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Hiệp Phước	510.831.000	282.004.000
Công Ty TNHH SITC Tân Cảng		31.774.050
Công ty TNHH Tân Cảng - Miền Trung	370.272.000	
Xây dựng cơ bản		
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng		9.110.726.718

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.13, V.15 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ bốc xếp, thực hiện trên địa bàn khu vực Cảng Cát Lái, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 26 tháng 10 năm 2018

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc

Trần Quang Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNGMã số thuế: **0309532497**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2

Mẫu số B 01 - DN*(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)***BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

tại ngày 30 tháng 9 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/9/2018	Số đầu kỳ 01/1/2018
I	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		284.738.249.828	289.693.294.016
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	135.438.363.153	153.575.325.506
1.Tiền	111		11.438.363.153	13.575.325.506
2.Các khoản tương đương tiền	112		124.000.000.000	140.000.000.000
II.Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	-
1.Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		140.299.962.604	127.304.049.476
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	125.363.906.887	113.398.588.192
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.553.283.731	4.409.176.399
3.Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	12.511.927.990	9.741.472.889
7.Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(129.156.004)	(245.188.004)
8.Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.Hàng tồn kho	140		2.338.366.177	3.264.080.868
1.Hàng tồn kho	141	V.7	2.338.366.177	3.264.080.868
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		6.661.557.894	5.549.838.166
1.Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	6.648.900.253	5.537.180.525
2.Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	12.657.641	12.657.641
4.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B-TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		338.924.214.551	387.140.333.715
I.Các khoản phải thu dài hạn	210		873.697.000	699.600.000
1.Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2.Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3.Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4.Phải thu dài hạn nội bộ	214			
5.Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6.Phải thu dài hạn khác	216		873.697.000	699.600.000

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/9/2018	Số đầu kỳ 01/1/2018
1	2	3	4	5
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		326.500.803.448	370.192.387.354
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	324.275.215.985	367.805.651.253
- Nguyên giá	222		669.119.100.012	661.003.655.255
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(344.843.884.027)	(293.198.004.002)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.225.587.463	2.386.736.101
- Nguyên giá	228		4.190.631.800	3.768.631.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.965.044.337)	(1.381.895.699)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.621.029.681	3.653.566.801
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	3.621.029.681	3.653.566.801
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.754.966.110	1.967.784.379
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b		
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.754.966.110	1.967.784.379
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ dần ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác			6.173.718.312	10.626.995.181
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4.373.974.194	9.774.999.572
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	1.799.744.118	851.995.609
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		623.662.464.379	676.833.627.731
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
1	2	3	4	5
A-NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		296.825.548.831	354.667.257.952
I. Nợ ngắn hạn	310		156.509.458.488	180.423.398.436
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	57.415.902.180	67.007.656.592
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	-	130.735.817
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	11.331.636.533	8.332.771.531
4. Phải trả người lao động	314		23.379.429.021	30.497.377.797
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	9.782.690.890	4.669.854.304
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	12.058.141.417	9.603.120.854
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	35.206.959.037	50.270.539.304
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	7.334.699.410	9.911.342.237
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/9/2018	Số đầu kỳ 01/1/2018
I	2	3	4	5
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		140.316.090.343	174.243.859.516
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337		8.643.942.981	8.643.942.981
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18a	131.672.147.362	165.599.916.535
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		326.836.915.548	322.166.369.779
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	326.836.915.548	322.166.369.779
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		149.982.580.000	149.982.580.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		45.330.697.408	40.983.145.549
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		109.683.965.065	106.321.027.444
a. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		78.523.777.192	106.321.027.444
b. LNST chưa phân phối kỳ này	421b		31.160.187.873	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		21.839.673.075	24.879.616.786
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	440		623.662.464.379	676.833.627.731

Ngày 26 tháng 10 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Nguyễn Cẩm Trang


Nguyễn Thị Hồng Liên



CTY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNGMã số thuế : **0309532497**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2

Mẫu số **B 02 - DN**

(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3-2018	Quý 3-2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
I	2	3				
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	167.302.891.560	160.092.279.705	486.661.411.906	493.808.588.324
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		167.302.891.560	160.092.279.705	486.661.411.906	493.808.588.324
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	132.478.549.816	126.884.946.116	391.261.739.979	390.667.714.978
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		34.824.341.744	33.207.333.589	95.399.671.927	103.140.873.346
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	781.044.115	1.208.561.615	3.958.246.393	3.872.342.157
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.116.946.903	4.210.992.590	10.570.792.610	13.117.265.468
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.114.283.311</i>	<i>4.205.888.717</i>	<i>10.563.200.309</i>	<i>13.079.590.255</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				(47.566.223)		(94.887.650)
9. Chi phí bán hàng	24	VI.5	541.088.951	1.088.187.226	3.866.210.255	3.990.653.758
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10.004.531.626	10.511.972.635	28.907.402.771	27.860.319.018
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		21.942.818.379	18.557.176.530	56.013.512.684	61.950.089.609
12. Thu nhập khác	31	VI.7	(48.047.467)	249.693.248	621.734.623	666.916.360
13. Chi phí khác	32	VI.8	156.498.628	187.806.070	1.110.992.993	507.302.333
14. Lợi nhuận khác : (40 = 31 - 32)	40		(204.546.095)	61.887.178	(489.258.370)	159.614.027
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : (50 = 30 +40)	50		21.738.272.284	18.619.063.708	55.524.254.314	62.109.703.636

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3-2018	Quý 3-2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
1	2	3			12.341.372.550	12.173.032.355
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.347.654.458	3.733.377.481	(947.748.509)	547.982.551
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	(434.653.137)	-	44.130.630.273	49.388.688.730
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp : 60 = 50 - 51 - 52)	60		17.825.270.963	14.885.686.227		
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty Mẹ	61		16.975.428.195	14.029.689.529	41.707.860.221	46.934.985.288
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		849.842.768	855.996.698	2.422.770.052	2.453.703.442
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	620	781	2.318	2.642
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.10	620	781	2.318	2.642

Ngày 26 tháng 10 năm 2018

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



(Handwritten signature)

Nguyễn Cẩm Trang

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Hồng Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Mã Số Thuế : 0309532497

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

tại ngày 30 tháng 9 năm 2018

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	55.524.254.314	62.109.703.636
2.	Điều chỉnh cho các khoản:			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	53.468.104.021	52.801.181.637
-	Các khoản dự phòng	03	-	116.032.000
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(2.109.216)	140.040
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.517.192.416)	(3.938.168.571)
-	Chi phí lãi vay	06	10.543.758.353	13.079.590.255
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	115.016.815.056	124.168.478.997
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(17.765.916.966)	(12.057.937.577)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.350.416.255	(854.586.723)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	7.496.623.952	13.218.605.134
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	5.139.040.177	3.084.949.951
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	
-	Tiền lãi vay đã trả	14	(9.990.330.245)	(12.255.596.385)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.535.575.413)	(14.748.680.046)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	542.500.000	601.750.000
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.190.277.601)	(8.940.815.248)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	88.063.295.215	92.216.168.103
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(12.781.477.905)	(29.654.399.660)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	727.272.728
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(1.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.000.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.517.192.416	4.333.013.385
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.264.285.489)	(26.594.113.547)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn	31	-	-

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua	32	-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.640.800.000	42.276.495.627
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(54.008.470.440)	(69.287.552.359)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(28.615.669.700)	(25.152.285.430)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(76.983.340.140)	(52.163.342.162)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.815.669.586	13.458.712.394
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	132.620.617.122	134.244.599.664
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.076.445	(140.040)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	135.438.363.153	147.703.172.018

Ngày 26 tháng 10 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Cẩm Trang



Nguyễn Thị Hồng Liên



Trần Quang Thảo